

Số: /BC - SKHĐT

Điện Biên, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO**Kết quả phân tích, đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
(PCI) tỉnh Điện Biên năm 2021**

Căn cứ kết quả các dữ liệu được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố ngày 27/4/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả phân tích, đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 của tỉnh cụ thể như sau:

I. Đánh giá chung về kết quả PCI năm 2021**1. Một số nét chính về PCI năm 2021 (tổng hợp từ báo cáo của VCCI)**

Kết quả PCI cho thấy chất lượng điều hành kinh tế có sự cải thiện liên tục theo thời gian. Năm 2021, điểm trung vị đạt 64,74 điểm đối với chỉ số PCI tổng hợp và 65,3 điểm đối với chỉ số PCI gốc cao hơn 1,6 điểm so với PCI gốc năm 2020 (63,7 điểm) và liên tục tăng từ 2017. Môi trường kinh doanh Việt Nam năm 2021 có những chuyển biến tích cực so với những năm trước đây. Các xu hướng nổi bật là: Các chính quyền địa phương tiếp tục phát huy tinh thần năng động và sự ủng hộ đối với khu vực kinh tế tư nhân; Chi phí không chính thức tiếp tục có xu hướng giảm trong hầu hết các lĩnh vực thủ tục liên quan đến doanh nghiệp; hiệu quả giải quyết TTHC có cải thiện song vẫn cần thêm nhiều nỗ lực cải cách; cần tiếp tục giảm gánh nặng tuân thủ với các thủ tục kinh doanh có điều kiện; tiếp cận đất đai còn nhiều trở ngại cần cải thiện; Kết quả thực thi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khá khiêm tốn; Công tác phổ biến thông tin và hướng dẫn doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế cần tiếp tục đẩy mạnh.

2. Kết quả xếp hạng PCI năm 2021 của tỉnh điện biên

Theo công bố kết quả của VCCI, năm 2021 chỉ số PCI của tỉnh đạt 61,86 điểm (*giảm 0,76 điểm*), giảm 07 bậc so với năm 2020 và xếp thứ 53 trên bảng xếp hạng toàn quốc, xếp thứ 10/14 tỉnh miền núi biên giới phía Bắc.

STT	Chỉ số	Năm 2021	Năm 2020	Tăng (+)/Giảm (- so với năm 2020)
1	Điểm tổng hợp	61,86	62,62	-0,76
2	KQ Xếp hạng	53	46	-7
3	Nhóm điều hành	Trung bình	Trung bình	

II. Phân tích chi tiết các chỉ số thành phần của kết quả PCI 2021**1. So sánh kết quả chỉ số PCI năm 2021 so với năm 2020**

1. 1 Về các chỉ số thành phần

STT	Chỉ số	Điểm trung vị năm 2021	Điểm năm 2021	Điểm năm 2020	Tăng (+)/giảm (-) điểm	Xếp hạng năm 2021	Xếp hạng năm 2020	Tăng (+)/giảm (-) xếp hạng
CSTP 1	Gia nhập thị trường	6,88	6,25	6,85	-0,60	54	58	+4
CSTP 2	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,06	6,25	5,89	+0,36	59	60	+1
CSTP 3	Tính minh bạch	6,02	6,26	6,42	-0,16	19	7	-12
CSTP 4	Chi phí thời gian	7,46	6,07	6,69	-0,63	60	57	-3
CSTP 5	Chi phí không chính thức	7,06	6,07	6,73	-0,66	56	24	-32
CSTP 6	Cạnh tranh bình đẳng	5,99	6,09	7,81	-1,72	27	6	-21
CSTP 7	Tính năng động và tiên phong của chính quyền	6,82	6,71	6,42	+0,29	40	31	-9
CSTP 8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	6,87	6,63	6,02	+0,61	35	31	-4
CSTP 9	Đào tạo lao động	5,81	5,38	5,42	-0,04	46	60	+14
CSTP 10	Thiết chế pháp lý và ANTT	7,19	7,32	6,71	+0,61	28	33	+5

Trong 10 chỉ số thành phần trên, năm 2021 có 2 chỉ số thành phần được xây dựng lại đó là Chỉ số môi trường cạnh tranh bình đẳng và Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Qua phân tích các chỉ số thành phần, có nhiều chỉ số đã có cải thiện về điểm số, tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu mặc dù có cải thiện về điểm số nhưng vẫn còn ở mức thấp. Trong 10 chỉ số thành phần, có 02 chỉ số tăng cả điểm và xếp hạng; 02 chỉ số tăng điểm nhưng giảm xếp hạng; 02 chỉ số giảm điểm nhưng tăng xếp hạng; 04 chỉ số giảm cả điểm và xếp hạng so với năm 2020. Cụ thể:

- 02 chỉ số tăng cả điểm và xếp hạng là: *CSTP 2. Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất; CSTP 10. Thiết chế pháp lý và ANTT.*

- 02 chỉ số tăng điểm, giảm xếp hạng là: *CSTP 7. Tính năng động và tiên phong của chính quyền; CSTP 8. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.*

- 02 chỉ số tăng xếp hạng, giảm điểm là: *CSTP 1. Gia nhập thị trường; CSTP 9. Đào tạo lao động.*

- 04 chỉ số giảm so với năm 2020 là: *CSTP 3. Tính minh bạch; CSTP 4. Chi phí thời gian; CSTP 5. Chi phí không chính thức; CSTP 6. Cạnh tranh bình đẳng.*

Đôi chiếu với điểm trung vị cả nước, chỉ có 3/10 chỉ số đạt điểm số cao hơn trung vị (*Tính minh bạch, Cạnh tranh bình đẳng, Thiết chế pháp lý và ANTT*). Còn lại 7/10 chỉ số thấp hơn trung vị cần tập trung cải thiện nhiều hơn nữa.

1. 2. Về các chỉ tiêu đánh giá

STT	Chỉ số thành phần	Tổng chỉ tiêu ĐG năm 2020	Tổng chỉ tiêu ĐG năm 2021	Chỉ tiêu năm 2021			
				Số chỉ tiêu cũ	Số chỉ tiêu bổ sung năm 2021	Số chỉ tiêu bị loại bỏ	Số chỉ tiêu điều chỉnh năm 2021
CSTP 1	Gia nhập thị trường	10	19	9	10	1	
CSTP 2	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	11	14	10	4	1	
CSTP 3	Tính minh bạch	12	17	9	6	1	2
CSTP 4	Chi phí thời gian	11	14	10	3		1
CSTP 5	Chi phí không chính thức	9	16	9	7		
CSTP 6	Cạnh tranh bình đẳng	14	11	2	9	12	
CSTP 7	Tính năng động và tiên phong của chính quyền	9	9	5	2	2	2
CSTP 8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	24	13	2	11	22	
CSTP 9	Đào tạo lao động	11	11	5	5	5	1
CSTP 10	Thiết chế pháp lý và ANTT	17	18	16	2	1	
	TỔNG CỘNG	128	142	77	59	45	6

Chỉ số PCI năm 2021 có sự thay đổi lớn về các chỉ tiêu đánh giá. Trong đó chỉ giữ lại 77 chỉ tiêu cũ của năm 2020 và điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu mới cho phù hợp. Một số chỉ tiêu bị loại bỏ do không phù hợp và ít có sự khác biệt giữa các tỉnh.

2. Nhóm các chỉ số thành phần tăng điểm, tăng xếp hạng của năm 2021 so với năm 2020

2.1 Chỉ số Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất

Chỉ số Tiếp cận đất đai năm 2021 đạt 6,25 điểm, tăng 0,36 điểm so với năm 2020 (5,89 điểm) tăng 01 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 60 lên vị trí 59, **thấp hơn** 0,81 điểm so với mức trung vị của cả nước (7,06) **trên** bảng xếp hạng điều này cho thấy mặc dù chỉ số tiếp cận đất đai có được cải thiện tuy nhiên vẫn ở mức thấp của cả nước, cần phải tập trung để cải thiện chỉ số này. Trong 14 chỉ tiêu thuộc Chỉ số tiếp cận đất đai có 10 chỉ tiêu cũ được so sánh với năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng/giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng/giảm xếp hạng
1	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	Cao	30	12.5	75	+62.5	8	63	+55
2	DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	Thấp	55%	51%	33%	+18%	39	63	+24
3	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Thấp	22%	28%	31%	+3%	46	58	+12
4	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	Thấp	15%	33%	22%	-11%	62	51	-11
5	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	Thấp	31%	42%	16%	-25%	57	3	-54
6	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	Thấp	1.76	1.86	4.60	+2.74	48	61	+13
7	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	Cao	29%	33%	24%	+9%	18	45	+27
8	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Thấp	78%	66%	73%	-7%	58	53	-5
9	Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	Thấp	23%	5%	23%	-18%	60	48	-12
10	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	Cao	10%	7%	24%	+17%	16	61	+45

Trong 10 chỉ tiêu trên có 06 chỉ tiêu được cải thiện về cả điểm số và xếp hạng; 04 chỉ tiêu bị giảm thứ hạng, cụ thể

- Một số chỉ tiêu có sự cải thiện đáng kể đó là: Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (tăng 55 bậc); Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều (tăng 45 bậc).

- Các chỉ tiêu bị giảm thứ hạng là: Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (giảm 54 bậc); Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (Giảm 12 bậc); Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (giảm 11 bậc); Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (giảm 5 bậc).

Năm 2021, có 04 chỉ tiêu mới được đưa vào đánh giá

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%) - Biến mới năm 2021	Bằng	53%	53%	31
2	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%) - Biến mới năm 2021	Cao	20%	16%	22
3	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	23%	37%	47
4	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai - Biến mới năm 2021	Thấp	54%	69%	51

Trong 4 chỉ tiêu mới trên, có 2 chỉ tiêu có thứ hạng tương đối tốt (Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định; Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ), còn 2 chỉ tiêu cần cải thiện (Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian; Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai) **đang ở mức thấp so với trung vị của cả nước.**

ĐỐI CHIẾU VỚI TRUNG VỊ CẢ NƯỚC, TRONG 14 CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ VỀ CHỈ SỐ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI CHỈ CÓ 5/14 CHỈ TIÊU CAO HƠN HOẶC BẰNG MỨC TRUNG VỊ CẢ NƯỚC, CÒN 9/14 CHỈ TIÊU THẤP HƠN MỨC TRUNG VỊ CẦN PHẢI TÍCH CỰC CẢI THIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI.

2.2. Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT

Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT năm 2021 đạt 7,32 điểm, tăng 0,61 điểm so với năm 2020, tăng 08 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 33 lên vị trí 25 trong bảng xếp hạng cả nước, cao hơn 0,13 điểm so với mức trung vị của cả nước. Trong 18 chỉ tiêu thành phần có 16/18 chỉ tiêu cũ được so sánh với năm 2020 như sau:

ST T	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng/giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng/giảm xếp hạng
1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Cao	43%	46%	38%	+8%	24	23	-1
2	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	Thấp	90%	86%	91%	-5%	55	20	-35
3	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Cao	59%	62%	54%	+8%	25	46	21
4	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	Cao	49%	53%	38%	+15%	22	34	12
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	Thấp	94%	92%	97%	-5%	52	4	-48
6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	Thấp	82%	80%	76%	+4%	39	35	-4
7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	Thấp	82%	80%	79%	+1%	41	31	-10
8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	Thấp	84%	82%	81%	+1%	40	30	-10
9	Phán quyết của tòa án là công bằng (% Đồng ý)	Thấp	92%	89%	87%	+2%	47	40	-7

10	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	Cao	1.18	1.31	1.04	+0.27	27	49	22
11	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (% TANDTC)	Thấp	86%	58%	83%	-25%	53	31	-22
12	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% TANDTC)	Cao	66%	83%	58%	25%	9	59	50
13	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	Cao	78%	81%	65%	16%	23	41	18
14	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	Thấp	6%	8%	13%	5%	45	41	-4
15	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	Cao	64%	83%	63%	20%	1	34	33
16	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	Bằng	1%	1%	0.00%	-1%	35	1	-34

Mặc dù chỉ số này có kết quả tốt nhưng cụ thể các chỉ tiêu của chỉ số này còn phải cải thiện rất nhiều, cụ thể có 10 chỉ tiêu bị giảm xếp hạng.

Các chỉ tiêu mới được bổ sung trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cao	80%	83%	16
2	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Bằng	71%	71%	32

Các chỉ tiêu mới này được xếp hạng khá khả quan, cần được phát huy trong thời gian tới.

Đối chiếu với điểm trung vị cả nước, mặc dù tổng điểm của chỉ số cao hơn mức trung vị nhưng vẫn có 8/18 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần phải tích cực cải thiện trong thời gian tới. Ngoài ra các chỉ tiêu cao hơn trung vị của cả nước

nhưng giảm điểm so với năm 2020 hoặc giảm trên bảng xếp hạng của cả nước cũng cần phải xem xét cải thiện.

3. Nhóm các chỉ số thành phần tăng điểm nhưng giảm xếp hạng so với năm 2020

3.1 Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền

Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền năm 2021 đạt 6,71 điểm, tăng 0,29 điểm so với năm 2020, giảm 09 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 31 xuống vị trí 40 trong bảng xếp hạng, thấp hơn mức trung vị của cả nước 0,12 điểm. Có 5/9 chỉ tiêu là chỉ tiêu cũ, được so sánh với kết quả năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng /giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng/ giảm xếp hạng
1	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	Thấp	62%	60%	54%	6%	36	21	-15
2	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% DN)	Thấp	29%	33%	35%	2%	41	51	10
3	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	Thấp	86%	76%	65%	11%	55	60	5
4	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	Thấp	74%	71%	56%	15%	44	59	15
5	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	Thấp	79%	76%	78%	-2%	39	16	-23

Trong số 5 chỉ tiêu cũ, có 3 chỉ tiêu có sự tiến bộ về xếp hạng, 2 chỉ tiêu bị giảm xếp hạng. Do đó, chính quyền tỉnh cần có những biện pháp để tạo thêm niềm tin từ khu vực kinh tế tư nhân, làm tốt hơn nữa công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu mới được bổ sung, điều chỉnh trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm	Cao	32%	29%	20

		2021			
2	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	Thấp	36%	37%	34
3	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cao	53%	61%	12
4	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình - Biến mới năm 2021	Thấp	72%	63%	55

Từ kết quả trên cho thấy chủ trương của lãnh đạo tỉnh được thực hiện tương đối tốt nghiêm túc ở các sở ngành nhưng ở cấp huyện, thị xã thì không được doanh nghiệp đánh giá cao, đồng thời doanh nghiệp của chưa tin tưởng vào cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của lãnh đạo địa phương.

Chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền năm 2021 tăng 0,29 điểm so với năm 2020, nhưng thấp hơn mức trung vị của cả nước 0,12 điểm, giảm 09 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 31 xuống vị trí 40 trong bảng xếp hạng điều đó cho thấy chỉ số này có tăng nhưng trung bình các tỉnh khác trong nước tăng nhanh hơn.

Mặc dù tổng điểm của chỉ số năm 2021 cao hơn năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn mức trung vị của cả nước. Trong 9 chỉ tiêu của chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền thì có 7/9 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần phải tích cực cải thiện trong thời gian tới.

3.2. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp năm 2021 đạt 6,59 điểm, tăng 0,57 điểm so với năm 2020, giảm 04 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 31 xuống vị trí 35 trong bảng xếp hạng, thấp hơn mức trung vị của cả nước 0,26 điểm. Năm 2021, chỉ số này được xây dựng lại, do đó chỉ có 2/13 chỉ tiêu là chỉ tiêu cũ, được so sánh với kết quả năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng/giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng/giảm xếp hạng
1	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	Cao	0.76%	1.03%	1.04%	0,01 %	20	15	-5
2	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	Thấp	83%	64%	60%	4%	44	48	4

Các chỉ tiêu mới được bổ sung trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	83%	75%	47
2	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	82%	80%	37
3	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	86%	80%	44
4	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	79%	72%	47
5	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	82%	81%	37
6	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	Cao	81%	83%	25
7	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động dễ thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	83%	75%	45
8	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng) - Biến mới năm 2021	Cao	28%	35%	19
9	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%) - Biến mới năm 2021	Cao	63%	71%	21
10	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs - Biến mới năm 2021	Thấp	21%	17%	45
11	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%) - Biến mới năm 2021	Cao	75%	89%	8

Từ kết quả cho thấy, mặc dù chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã có sự cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp, cụ thể là chỉ có 5/13 chỉ tiêu đạt cao hơn mức trung vị, còn lại 8/13 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần phải tích cực cải thiện trong thời gian tới. Ngoài ra các chỉ tiêu cao hơn trung vị của cả nước nhưng giảm

điểm so với năm 2020 hoặc giảm trên bảng xếp hạng của cả nước cũng cần phải xem xét cải thiện.

4. Nhóm các chỉ số thành phần giảm điểm nhưng tăng xếp hạng so với năm 2020

4.1 Chỉ số Gia nhập thị trường

Chỉ số Gia nhập thị trường năm 2021 đạt 6,25 điểm, giảm 0,6 điểm so với năm 2020, tăng 04 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 58 lên vị trí 54 trong bảng xếp hạng, thấp hơn mức trung vị của cả nước 0,63 điểm. Có 9/19 chỉ tiêu là chỉ tiêu cũ, được so sánh với kết quả năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng/giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng/giảm xếp hạng
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	Cao	7	7	6	-1	4	26	22
2	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	Cao	5	1	1	0	1	1	0
3	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	Thấp	59%	19%	10%	9%	63	63	0
4	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	Cao	67%	77%	78%	-1%	15	31	16
5	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	Cao	74%	77%	61%	16%	25	59	34
6	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	Cao	45%	68%	67%	1%	5	43	38
7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	Cao	50%	55%	78%	-23%	21	37	16
8	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Thấp	9%	14%	10%	-4%	46	23	-23
9	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Thấp	0%	3%	0%	-3%	48	1	-47

Bảng kết quả trên cho thấy, có 7/9 chỉ tiêu đều tăng về xếp hạng, điển hình là chỉ tiêu *Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn* (Tăng 38 bậc); chỉ tiêu *Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ* (tăng 38 bậc). Tuy nhiên, chỉ tiêu giảm mạnh đó là *Tỷ lệ DN phải chờ hơn để hoàn thành tất cả các thủ tục để*

chính thức hoạt động gây giảm kết của chung của cả chỉ số. Nguyên nhân giảm xếp hạng này có thể đến từ phía doanh nghiệp, do chưa tìm hiểu quy định của pháp luật và mất thời gian hoàn thiện thủ tục để gửi cho cơ quan chuyên môn. Đáng quan tâm nhất là Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện đứng cuối cùng cả nước trong 2 năm liền. Năm 2021, chỉ tiêu này có tăng điểm nhưng do chưa bắt nhịp được với mức tăng của các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Các chỉ tiêu mới được bổ sung, điều chỉnh trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên - Biến mới 2021	Thấp	17%	19%	37
2	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021 (% DN Đồng ý)	Thấp	68%	63%	39
3	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%) - Biến mới 2021	Thấp	58%	47%	51
4	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	41%	29%	59
5	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	56%	42%	54
6	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	48%	42%	46
7	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	43%	37%	46
8	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	Cao	7%	3%	14
9	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	Cao	7%	6%	28

10	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	22%	25%	42
----	---	-------------	-----	-----	----

Các biến mới bổ sung ở trên, phần đa đều liên quan đến lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện. Lĩnh vực này là lĩnh vực mới nên còn gặp nhiều khó khăn về thủ tục cấp phép. Trong 10 chỉ tiêu mới ở trên, chỉ có 2 chỉ tiêu trên mức trung vị. Vì vậy, các chỉ tiêu dưới mức trung vị cần được cải thiện để chỉ số này tăng điểm trong năm tới.

Đối chiếu với điểm trung vị cả nước, có 11/19 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần tập trung cải thiện trong thời gian tới.

4.2. Chỉ số Đào tạo lao động

Chỉ số Đào tạo lao động năm 2021 đạt 5,38 điểm, giảm 0,04 điểm so với năm 2020, tăng 14 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 60 lên vị trí 46 trong bảng xếp hạng, thấp hơn mức trung vị của cả nước 0,44 điểm, chỉ số này là một trong những chỉ số quan trọng, có trọng số cao trong tính toán điểm số. Có 5/11 chỉ tiêu là chỉ tiêu cũ, được so sánh với kết quả năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng /giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng / giảm xếp hạng
1	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Cao	5.72	3.12	4.87	1.75	4	47	43
2	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Cao	1.51	1.25	6.41	5.16	21	48	27
3	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Thấp	54%	33%	39%	-6%	60	45	-15
4	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%), (TCTK)	Thấp	20%	16.2%	8%	8.2%	42	48	6
5	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Thấp	69%	52%	60%	-8%	61	43	-18

Các chỉ tiêu mới được bổ sung, điều chỉnh trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến	Cao	73%	76%	27

	mới năm 2021				
2	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	Cao	35%	36%	31
3	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	Cao	30%	34%	21
4	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	52.85	52.52	35
5	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%) - Điều chỉnh năm 2021	Thấp	55%	41%	55
6	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGĐĐT)- Biến mới 2021	Thấp	6.16	5.48	59

Từ kết quả trên cho thấy, lực lượng lao động tại tỉnh khá dồi dào, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và chi phí về tuyển dụng, đào tạo lao động có xu hướng tăng. Nhưng chất lượng giáo dục dạy nghề và chất lượng giáo dục phổ thông tại tỉnh chưa được đánh giá cao, điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT thấp, tỷ lệ lao động đáp ứng nhu cầu sử dụng của DN thấp. Vì vậy, cần có những biện pháp hiệu quả hơn nữa để tăng cường chất lượng ở các cơ sở giáo dục tại địa phương.

Đối chiếu với điểm trung vị cả nước, có 6/11 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần tập trung cải thiện trong thời gian tới.

5. Nhóm các chỉ số thành phần giảm cả điểm và xếp hạng so với năm 2020

5.1 Chỉ số Tính minh bạch

Chỉ số Tính minh bạch năm 2021 đạt 6,26 điểm, giảm 0,16 điểm so với năm 2020, giảm 12 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 7 xuống vị trí 19 trong bảng xếp hạng, cao hơn mức trung vị của cả nước 0,24 điểm. Có 9/17 chỉ tiêu là chỉ tiêu cũ, được so sánh với kết quả năm 2020 như sau

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng/giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng/giảm xếp hạng
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Thấp	2.68	2.65	3.48	-0.83	37	28	-9
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Cao	3.06	3.08	2.94	0.14	29	36	7
3	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	Thấp	82%	74%	57%	17%	44	15	-29
4	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	Cao	75%	76%	83%	-7%	30	1	-29
5	Số ngày chờ đợi để nhận	Cao	3	2	3	0	8	23	15

	được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)								
6	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	Cao	61%	60%	60%	0%	30	39	9
7	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (%Đồng ý)	Cao	48%	41%	49%	8%	18	15	-3
8	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	Thấp	64%	58%	42%	16%	42	50	8
9	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	Cao	59%	61%	67%	-6%	27	2	-25

Từ kết quả trên cho thấy, có 4/9 chỉ tiêu có kết quả tăng về xếp hạng, nổi bật là vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp được đánh giá cao. Tuy nhiên, có 5/9 chỉ tiêu bị giảm đáng kể, trong đó có một số chỉ tiêu có mức giảm đáng kể về xếp hạng như: Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (giảm 29 bậc); Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (giảm 25 bậc). Đáng chú ý, chỉ tiêu Minh bạch trong đấu thầu có mức tăng đáng kể về điểm số nhưng lại giảm 29 bậc về xếp hạng, chứng tỏ các tỉnh, thành phố khác được doanh nghiệp đánh giá rất cao về chỉ số này.

Các chỉ tiêu mới được bổ sung, điều chỉnh trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cao	43%	64%	4
2	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)- Biến mới năm 2021	Cao	68%	77%	15
3	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)- Biến mới năm 2021	Cao	49%	66%	5
4	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cao	59%	72%	7
5	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cao	36%	36%	29
6	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh	Cao	34%	38%	17

	với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể) - Điều chỉnh năm 2021				
7	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể) - Biến mới năm 2021	Cao	34%	41%	11
8	Chất lượng website của tỉnh - Điều chỉnh năm 2021	Thấp	41.27	34.13	41

Từ kết quả trên cho thấy, doanh nghiệp đánh giá về website của tỉnh có nhiều thông tin hữu ích, nhưng tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh lại có xu hướng giảm. Vì vậy, doanh nghiệp cần dành thời gian nhiều hơn nữa để tìm kiếm thông tin được công khai trên website của tỉnh.

Đối chiếu với điểm trung vị cả nước, mặc dù tổng điểm của chỉ số cao hơn mức trung vị nhưng vẫn có 4/17 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần phải tích cực cải thiện trong thời gian tới. Ngoài ra các chỉ tiêu cao hơn trung vị của cả nước nhưng giảm điểm so với năm 2020 hoặc giảm trên bảng xếp hạng của cả nước cũng cần phải xem xét cải thiện.

5.2. Chỉ số Chi phí thời gian

Chỉ số Chi phí thời gian năm 2021 đạt 6,07 điểm, giảm 0,63 điểm so với năm 2020, giảm 3 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 57 xuống vị trí 60 trong bảng xếp hạng, thấp hơn mức trung vị của cả nước 1,4 điểm, nằm trong số các tỉnh có thứ hạng thấp về chỉ số này. Có 10/14 chỉ tiêu là chỉ tiêu cũ, được so sánh với kết quả năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng /giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng / giảm xếp hạng
1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	Thấp	26%	25%	19%	-6%	29	20	-9
2	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	Thấp	83%	78%	76%	2%	46	41	-5
3	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	Thấp	87%	73%	75%	-2%	60	61	1
4	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	Thấp	75%	65%	57%	8%	57	61	4
5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	Thấp	74%	65%	56%	9%	53	57	4
6	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	Cao	95%	97%	95%	2%	10	38	28
7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	Thấp	80%	69%	63%	6%	58	62	4
8	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị	Thấp	9%	14%	16%	2%	50	60	10

	trùng lặp (%)								
9	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	Thấp	14%	15%	10%	-5%	34	21	-13
10	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	Thấp	5	16	24	8	53	48	-5

Từ kết quả ở trên cho thấy, hầu hết các chỉ tiêu đều tăng về xếp hạng, chỉ có 4 chỉ tiêu giảm về xếp hạng. Theo đánh giá của doanh nghiệp, tỷ lệ doanh nghiệp chưa hài lòng về cán bộ thực thi nhiệm vụ đối với doanh nghiệp còn cao. Nhưng bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp chưa dành thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước vẫn còn nhiều.

Các chỉ tiêu mới được bổ sung, điều chỉnh trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	57%	50%	48
2	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	57%	50%	48
3	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	57%	50%	50
4	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm - Điều chỉnh năm 2021	Thấp	10%	21%	58

Kết quả ở trên cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn trong thực hiện các TTHC trực tuyến vẫn còn cao, các doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều đến việc thực hiện TTHC trực tuyến. Vì vậy, trong thời gian tới, cần tăng cường công tác hỗ trợ, tuyên truyền tới cộng đồng doanh nghiệp về thực hiện TTHC trực tuyến, đồng thời cũng cần nâng cấp, cải thiện hạ tầng kỹ thuật để tạo thuận lợi cho việc thực hiện TTHC trực tuyến.

Đối chiếu với điểm trung vị cả nước có 13/14 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần phải tích cực cải thiện trong thời gian tới.

5.3. Chỉ số Chi phí không chính thức

Chỉ số Chi phí không chính thức năm 2021 đạt 6,07 điểm, giảm 0,66 điểm so với năm 2020, giảm 32 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 24 xuống vị trí 56 trong bảng xếp hạng, thấp hơn mức trung vị của cả nước 0,99 điểm. Chỉ số này là chỉ số có mức giảm xếp hạng nhiều nhất trong 10 chỉ số đánh giá. Có 9/16 chỉ tiêu là chỉ tiêu cũ, được so sánh với kết quả năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng /giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng / giảm xếp
-----	----------	-------------------	---------------	-----------	-----------	-----------------	---------------	---------------	-----------------

		vị							hạng
1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	Thấp	41%	56%	46%	-10%	54	35	-19
2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Cao	55%	65%	70%	-5%	17	8	-9
3	Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	Thấp	57%	58%	53%	-5%	36	30	-6
4	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Thấp	87%	75%	82%	-7%	60	49	-11
5	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Thấp	21%	42%	42%	0%	59	60	1
6	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Thấp	4%	11%	10%	-1%	59	55	-4
7	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	Cao	27%	16%	30%	14%	12	27	15
8	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	Cao	37%	26%	27%	1%	22	7	-15
9	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	Thấp	21%	31%	17%	-14%	54	14	-40

Từ kết quả so sánh ở trên, chỉ có 2 chỉ tiêu tăng về xếp hạng, trong đó có chỉ tiêu *Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai* có kết quả tăng cả điểm và tăng xếp hạng lên 15 bậc. Còn lại 7 chỉ tiêu đều bị giảm điểm và xếp hạng, đặc biệt là chỉ tiêu *Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến* bị giảm bậc sâu nhất; đặc biệt chỉ tiêu *Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu* có sự tăng nhẹ về điểm số nhưng thứ hạng giảm 15 bậc. Như vậy, các tỉnh thành phố trong cả nước đã có sự thay đổi rất nhiều về chỉ tiêu này.

Các chỉ tiêu mới được bổ sung trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%) - Biến mới năm 2021	Cao	19%	11%	9
2	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến	Thấp	63%	65%	39

	mới năm 2021				
3	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	30%	33%	38
4	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	33%	60%	54
5	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	50%	55%	48
6	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%) - Biến mới năm 2021	Thấp	31%	34%	36
7	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng - Biến mới năm 2021	Thấp	71%	80%	49

Từ kết quả trên, đối với các chỉ số mới cho thấy, chỉ có chỉ tiêu về đăng ký doanh nghiệp được xếp thứ hạng tương đối cao, còn lại hầu hết các doanh nghiệp đều đánh giá việc phải trả chi phí cho cán bộ liên quan đến các hoạt động của doanh nghiệp. Điều này cần được chỉ đạo, chấn chỉnh để tạo niềm tin đối với cộng đồng doanh nghiệp.

Đối chiếu với điểm trung vị cả nước có 12/16 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần phải tích cực cải thiện trong thời gian tới.

5.4 Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng năm 2021 đạt 6,09 điểm, giảm 1,72 điểm so với năm 2020, giảm 21 bậc so với năm 2020 từ vị trí thứ 6 xuống vị trí 27 trong bảng xếp hạng. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn cao hơn mức trung vị của cả nước 0,1 điểm. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng là 1 trong 2 chỉ số được xây dựng lại, vì vậy chỉ có 2/11 chỉ tiêu là chỉ tiêu cũ cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Điểm 2020	Tăng /giảm điểm	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2020	Tăng/ giảm xếp hạng
1	Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	Cao	43%	40%	43%	3%	20	10	-10
2	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)	Cao	61%	55%	55%	0%	15	21	6

Các chỉ tiêu trên không có nhiều biến động về điểm số nhưng có sự thay đổi nhiều về thứ hạng. Đặc biệt, chỉ tiêu *Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp* tuy rằng tăng điểm nhưng bị giảm mất 10 bậc thứ hạng. Điều này cho thấy, các tỉnh, thành phố trong cả nước đã có sự cải thiện nhiều đối với chỉ tiêu này.

Các chỉ tiêu mới được bổ sung trong đánh giá chỉ số này như sau:

STT	Chỉ tiêu	So sánh với trung vị	Trung vị 2021	Điểm 2021	Xếp hạng 2021
1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	77%	74%	44
2	Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	53%	58%	47
3	Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cao	39%	38%	29
4	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cao	25%	21%	17
5	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	20%	22%	37
6	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	16%	21%	48
7	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	10%	11%	34
8	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Thấp	20%	25%	52
9	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cao	17%	12%	15

Trong các chỉ tiêu mới ở trên, chỉ có 3/9 chỉ tiêu đạt trên mức trung vị cả nước. Vì vậy, cần đề những biện pháp để thay đổi quan điểm của các doanh nghiệp được đánh giá về môi trường kinh doanh bình đẳng trên địa bàn tỉnh.

Đối chiếu với điểm trung vị cả nước có 6/11 chỉ tiêu thấp hơn mức trung vị cần phải tích cực cải thiện trong thời gian tới.

6. Đánh giá chung

Qua phân tích, đánh giá 142 Chỉ tiêu thuộc 10 chỉ số thành phần trong bộ chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 cho thấy có 58 chỉ tiêu có số điểm bằng hoặc cao hơn mức trung vị của cả nước, 84 chỉ tiêu thấp hơn trung vị cả nước. Đối chiếu, so sánh 77 chỉ tiêu cũ với kết quả PCI năm

2020 có 34 Chỉ tiêu tăng điểm và xếp hạng; 2 chỉ tiêu giảm điểm tăng xếp hạng; 14 chỉ tiêu tăng điểm, giảm xếp hạng, 27 chỉ tiêu giảm cả điểm và xếp hạng.

Như vậy, cuộc cạnh tranh xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước ngày càng mạnh mẽ (điểm trung vị PCI năm 2021 cao hơn 1,3 điểm). Chỉ số cơ sở hạ tầng của tỉnh có xếp hạng thấp nhất trong cả nước. Mặc dù chỉ số Cơ sở hạ tầng không được đo lường trong chỉ số PCI song chất lượng điều hành có mối tương quan chặt chẽ với cơ sở hạ tầng. Do đó, để cải thiện xếp hạng PCI của tỉnh cần sự chung tay của tất cả các cấp, các ngành, các địa phương bằng nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả trong đó tập trung hơn nữa các Chỉ tiêu, chỉ số có xu hướng tích cực, cải thiện điểm số ở những Chỉ tiêu, chỉ số thấp hoặc bị giảm điểm, đặc biệt chú trọng đến những chỉ số giảm mạnh về số điểm và chỉ số có trọng số cao, trung bình trong cách tính điểm. Đặc biệt lưu ý các chỉ số như: Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất ... có xếp hạng thấp trong bảng xếp hạng toàn quốc.

IV. Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh năm 2022 và những năm tiếp theo

1. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương trong tỉnh:

Căn cứ kết quả phân tích từng tiêu chí cụ thể của các chỉ số thành phần cấu thành nên điểm số PCI 2021 của tỉnh. Sở Kế hoạch & đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời cần có các giải pháp để khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế, tích cực, chủ động trong việc cải thiện các chỉ số có liên quan đến Sở, ngành, địa phương mình được giao phụ trách, để tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để tạo được niềm tin và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp đối với chính quyền các cấp. Cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Tỉnh ủy như Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2022 về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 3301/KH-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 29/7/2021.

- Người đứng đầu các cấp, các ngành, đặc biệt các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt nhằm tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức, quan điểm chỉ đạo và triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh ở cơ quan, đơn vị; quán triệt cho công chức, viên chức về tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp.

- Thu hẹp khoảng cách giữa các cấp thực thi (cấp tỉnh - cấp sở, ngành và cấp huyện) để giảm thiểu việc cấp tỉnh rất quyết liệt trong triển khai thực thi chính sách nhưng không được tổ chức thực hiện tốt ở cấp sở, ngành và huyện, thị xã, thành phố. Thông qua việc tổ chức đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) cấp sở, ngành và cấp huyện để đánh giá hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ, đồng thời quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết kiến nghị của các tổ chức kinh tế.

- Tăng cường tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư để lắng nghe, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp cũng như tạo sự gần gũi, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp.

- Từng Sở, ban ngành, địa phương công bố, công khai minh bạch, đầy đủ, kịp thời các quy trình giải quyết thủ tục hành chính cũng như các cơ chế, chính sách liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình bằng nhiều hình thức như trên trang thông tin điện tử của đơn vị; rà soát và đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đặc biệt, các cơ quan có liên quan cần công khai, minh bạch quy trình, thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận đất đai khi thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất; cấp phép kinh doanh có điều kiện, ...

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, văn hóa công sở, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, chú trọng cán bộ làm việc tại bộ phận một cửa. Thường xuyên kiểm tra, giám sát CBCC chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trong thực hiện nhiệm vụ, kỷ cương hành chính, không gây chậm trễ, khó khăn, phiền nhiễu cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết liệt trong cải cách thủ tục hành chính, phấn đấu giảm tối đa chi phí về tài chính và thời gian cho nhà đầu tư, doanh nghiệp; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi nhất để doanh nghiệp nâng cao lợi thế cạnh tranh. Đẩy mạnh giải quyết các TTHC bằng phương thức trực tuyến, tiết kiệm thời gian, chi phí trong giải quyết TTHC.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo các dịch vụ công cơ bản được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3,4. Nâng cao trách nhiệm công vụ, giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương liên quan đối với việc hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình thành lập, đầu tư và hoạt động SX-KD.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về PCI và các nỗ lực của tỉnh trong việc thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi sau Covid-19.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đào tạo lao động trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

- Kịp thời chấn chỉnh những những thiếu sót trong công tác thanh kiểm tra, cũng như các công tác khác liên quan đến doanh nghiệp để tạo niềm tin hơn nữa

giữa cộng đồng doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đề nghị đối với UBND tỉnh:

Giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành, địa phương là thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) trên cơ sở kết quả phân tích nêu trên, xây dựng kế hoạch và hành động cụ thể để tiếp tục cải thiện từng Chỉ tiêu trong các chỉ số thành phần nhằm giữ vững những kết quả đã đạt được và khắc phục các mặt còn tồn tại, hạn chế.

Trên đây là kết quả phân tích, đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Điện Biên năm 2021. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các Sở, Ban, ngành, địa phương xem xét, nghiên cứu và có những giải pháp thiết thực để nâng cao từng chỉ số thành phần PCI tỉnh Điện Biên, góp phần nâng cao tổng điểm PCI tỉnh Điện Biên trong những năm tiếp theo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở, ngành trong tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo ĐBP;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở (để biết);
- Lưu: VT, XTĐT.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Mạnh Thắng